

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 362 /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày 29 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ
giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2026 đến 2028**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp Luật số 64/2015/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2028 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Sự cần thiết

Theo quy định tại Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản thì tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên phải lắp thiết bị giám sát hành trình (VMS). Đến nay, việc triển khai lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá của tỉnh đã đạt được kết quả đáng khích lệ với số lượng tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình là 1.333/1.354 (đạt 98,4%), còn lại 21 tàu cá chưa lắp đặt thiết bị là do tàu hoạt động không hiệu quả, khó khăn kinh tế, thiếu thuyền viên đi biển....

Việc vận hành hệ thống giám sát tàu cá (VMS) đã mang lại hiệu quả tích cực, góp phần theo dõi chặt chẽ hành trình của các tàu cá, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đồng thời phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý đội tàu từ trung ương đến địa phương. Đặc biệt, đây là công cụ quan trọng trong việc phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU), hỗ trợ nỗ lực gỡ bỏ "thẻ vàng" của Ủy ban Châu Âu.

Tuy nhiên, hiện nay công tác giám sát tàu cá gặp khó khăn do nhiều chủ tàu chưa đóng cước thuê bao dịch vụ VMS, dẫn đến thiết bị ngừng hoạt động, không theo dõi được hành trình. Tình trạng này xảy ra chủ yếu ở các tàu gặp khó khăn tài chính, ngừng hoạt động mùa gió Đông Bắc hoặc hiệu quả khai thác thấp.

Theo khảo sát từ các đơn vị cung cấp thiết bị VMS cho tàu của tỉnh bao gồm các đơn vị VNPT, VISHIPEL, Bình Anh, VIETTEL, Viện Hàn lâm KHVN, Zunibal thì ngoài chi phí mua sắm thiết bị VMS với giá từ 22.500.000 đồng đến 28.000.000 đồng/thiết bị, thì chủ tàu phải chi trả cước thuê bao giám sát hành trình tàu cá tăng và dao động từ 3.960.000 đồng đến 4.680.000 đồng/năm. Chi phí ✓

này đã và đang tạo thêm áp lực đáng kể đối với ngư dân khi thực hiện hoạt động vươn khơi, bám biển để khai thác hải sản.

Vì vậy, việc xây dựng nghị quyết hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá là cần thiết, thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ của Nhà nước trong việc tạo điều kiện phát triển kinh tế cho ngư dân và tăng cường hiệu quả quản lý tàu cá hoạt động trên biển, góp phần tháo gỡ thẻ vàng của Ủy ban Châu Âu (EC).

2. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21/11/2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025

- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2025;

- Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản;

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số ý điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-TTg ngày 17/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Kế hoạch hành động tháng cao điểm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam”;

- Căn cứ Công điện số 198/CĐ-TTg ngày 17/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung thực hiện tháng cao điểm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam.

3. Cơ sở thực tiễn

Tháng 10/2017, Ủy ban Châu Âu rút “thẻ vàng” đối với sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào EU; để sớm khắc phục gỡ “thẻ vàng”, Chính phủ đã yêu cầu hoàn thành việc lắp đặt và duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá 24/24 giờ. Tuy nhiên, thời gian gần đây, do nguồn lợi thủy sản suy giảm và thiên tai diễn biến phức tạp, hoạt động khai thác trên biển gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của ngư dân dẫn đến nhiều chủ tàu không đủ điều kiện đóng cước thuê bao giám sát hành trình

Trước tình hình trên, Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 198/CĐ-TTg ngày 17/10/2025 đề nghị Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ duy trì kết nối hệ thống VMS 24/24 giờ kể cả khi tàu cá neo đậu tại bờ. ✓

Hiện nay, đã có nhiều tỉnh, thành phố ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí mua thiết bị GSHT, hỗ trợ cước thuê bao GSHT lắp trên tàu cá như: Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Gia Lai, Cà Mau, ...

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động trên biển; tăng cường năng lực quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực khai thác thủy sản trên các vùng biển và phòng chống khai thác bất hợp pháp, giảm thiểu tình trạng tàu cá của tỉnh xâm nhập, khai thác trái phép trên vùng biển nước ngoài; góp phần sự hiện diện của tàu cá trên các vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam nhằm phát triển khai thác hải sản xa bờ của tỉnh bền vững, có giá trị kinh tế tăng cao và hiệu quả.

2. Quan điểm

- Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, nhằm đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước và phù hợp với khả năng thực tế của địa phương. Việc xây dựng Nghị quyết không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo tính linh hoạt, có thể điều chỉnh, bổ sung phù hợp khi nhu cầu thực tiễn thay đổi và phải đạt được sự đồng thuận cao của người dân, các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác giám sát hành trình tàu cá của tỉnh Quảng Trị.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Hồ sơ Dự thảo Nghị quyết đã được đơn vị soạn thảo đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu giải trình tổng hợp, tiếp thu, giải trình.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định và Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

IV. BỐ CỤC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Bố cục của văn bản gồm có 06 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2. Đối tượng áp dụng;

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ;

Điều 4. Định mức, thời gian hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ;

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ;

Điều 6. Tổ chức thực hiện. ✓

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá của tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2028.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên đăng ký tại tỉnh Quảng Trị.

2.2. Các đơn vị cung cấp thiết bị, dịch vụ giám sát hành trình cho tàu cá của tỉnh Quảng Trị.

2.3. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

3.1. Mỗi tàu cá được nhận hỗ trợ 01 lần/năm tiền cước phí thuê bao dịch vụ cho 01 thiết bị giám sát hành trình lắp trên tàu cá.

3.2. Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định. Thực hiện hỗ trợ chặt chẽ, đúng đối tượng, tránh trường hợp lợi dụng chính sách để trục lợi.

4. Định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ

4.1 Định mức hỗ trợ: Mỗi tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên được hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình 250.000 đồng/tàu cá/tháng.

4.2. Thời gian hỗ trợ 03 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến 31 tháng 12 năm 2028.

- Dự kiến kinh phí hỗ trợ 03 năm: (4.080.000.000đ x 03 năm): 12.240.000.000 đồng (Bằng chữ: mười hai tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

- Dự kiến kinh phí hỗ trợ một năm (1.360 tàu cá x 250.000đ x 12 tháng): 4.080.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

4.3. Kinh phí thực hiện hỗ trợ: Từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách tỉnh và giao UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện chi trả cho các đối tượng chủ tàu cá theo quy định.

5. Điều kiện hỗ trợ

5.1. Các tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên đăng ký tại tỉnh Quảng Trị; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực.

5.2. Tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản và có dữ liệu hành trình trên Hệ thống giám sát tàu cá của Cục Thủy sản và Kiểm ngư trong năm hỗ trợ.

5.3. Chủ tàu cá đã hoàn thành trả phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá những tháng trong năm hỗ trợ và có hóa đơn với các đơn vị cung cấp dịch vụ.

5.4. Các trường hợp không được hỗ trợ: Trong năm hỗ trợ tàu cá bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vượt qua vùng được phép khai thác thủy sản trên biển, vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá khi hoạt động và khai thác thủy sản trái phép tại vùng biển nước ngoài.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

6.2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

6.3. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 29/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (cũ) giai đoạn 2023-2025.

b) Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026.

Trên đây là Tờ trình về ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2028. Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo tổng hợp các ý kiến tham gia của các đơn vị, địa phương; (4) Bản góp ý tham gia của các đơn vị, địa phương; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (6) Báo cáo thẩm định của Sở tư pháp) ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP: Trần Văn Hoài;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH – HĐND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- Lưu: VT, NNMT_{TTA}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Bảo

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát
hành trình tàu cá tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2028**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2015/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng năm 2026 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết
quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá
tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2028; Báo cáo thẩm tra số
/BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cước
thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm
2026 đến năm 2028.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát
hành trình tàu cá của tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2028.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên đăng ký
tại tỉnh Quảng Trị.
- Các đơn vị cung cấp thiết bị, dịch vụ giám sát hành trình cho tàu cá của
tỉnh Quảng Trị.
- Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

- Mỗi tàu cá được nhận hỗ trợ 01 lần/năm tiền cước phí thuê bao dịch vụ
cho 01 thiết bị giám sát hành trình lắp trên tàu cá.

2. Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định. Thực hiện hỗ trợ chặt chẽ, đúng đối tượng, tránh trường hợp lợi dụng chính sách để trục lợi.

Điều 4. Định mức, thời gian hỗ trợ, nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Định mức hỗ trợ: Mỗi tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên được hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình 250.000 đồng/tàu cá/tháng.

2. Thời gian hỗ trợ: 03 (ba) năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028.

3. Kinh phí thực hiện hỗ trợ: Từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách tỉnh.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

1. Các tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên đăng ký tại tỉnh Quảng Trị; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực.

2. Tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 41/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản và có dữ liệu hành trình trên Hệ thống giám sát tàu cá của Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

3. Chủ tàu cá đã hoàn thành trả phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá trong mốc thời gian hỗ trợ và có hóa đơn của các đơn vị cung cấp dịch vụ.

4. Trong năm hỗ trợ tàu cá bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, sử dụng thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá thì không được hỗ trợ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đối với các tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên đăng ký tại tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) thì kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 không thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026 mà áp dụng theo Nghị quyết này.

4. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 29/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ vệ tinh giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (cũ) giai đoạn 2023-2025.

b) Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa IX, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm 2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngàythángnăm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh – Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH